

TỪ GIÁO DỤC PHẦN LAN NGHĨ VỀ HƯỚNG ĐI CỦA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VIỆT NAM

• PGS.TS. ĐỖ NGỌC THỐNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, giáo dục (GD) Phần Lan trở thành một hiện tượng nổi trội. Rất nhiều nước đã phải giật mình, theo dõi, quan sát và nghiên cứu, nhất là từ khi bắt đầu xuất hiện Chương trình đánh giá học sinh (HS) quốc tế (PISA)¹. Kết quả xếp hạng của PISA đã làm nhiều quốc gia “bàng hoàng”, “giật mình” về chính sách và hiệu quả đầu tư GD của đất nước mình. Tiêu biểu nhất là Hoa Kỳ, bức xúc trước những hạn chế của GD phổ thông (GDPT) trong việc thực hiện nâng cao chất lượng, Tổng thống B.Obama đã quyết định tăng cường ngân sách cho GDPT một cách mạnh mẽ: 5 tỉ USD cho chương trình học sớm (early learning programs), 77 tỉ USD cho việc cải tổ mạnh mẽ GD tiểu học và trung học, đặc biệt dành 5 tỉ USD cho “quỹ cạnh tranh nhằm khuyến khích đổi mới và tham vọng muốn lấp đầy những khoảng trống trong kết quả học tập của HS Hoa Kỳ”²...

Trong bối cảnh đó, GD Phần Lan trở thành một “mô hình” mà nhiều nước phải quan tâm hướng tới, trong đó có Việt Nam. Đương nhiên, quan tâm, hướng tới không có nghĩa là bê nguyên xi mô hình GD ấy vào Việt Nam mà cần phân tích để tiếp thu và vận dụng những kinh nghiệm của nền GD ấy một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của GD Việt Nam. Phần một của bài viết này là kết quả nghiên cứu về GD Phần Lan trên cơ sở dữ liệu đã công bố tại các trang web của Bộ GD Phần Lan cùng với kết quả chuyến đi khảo sát và trao đổi của đoàn cán bộ nghiên cứu Việt Nam³ tới Bộ GD Phần Lan, Sở GD Thủ đô Helsinki, trường Đại học Tổng hợp Jyväskylä, Đại học Tổng hợp Helsinki và một số trường phổ thông các cấp của Phần Lan vào trung tuần tháng 1 năm 2010. Phần hai của bài viết nêu suy nghĩ về một số định hướng cho việc phát triển GDPT Việt Nam trong những năm sắp tới.

1. Tổng quan về thành tựu và nguyên nhân thành công của GD Phần Lan

Giới thiệu về GD Phần Lan, ông Leo Pahkin, đại diện cho Bộ GD Phần Lan nói:

“Trước đây, thế giới hầu như biết rất ít về Phần Lan, nhưng hơn 10 năm trở lại đây, cả thế giới đều biết và ngưỡng mộ Phần Lan bởi hai sự kiện chính: điện thoại Nokia và thành tích nổi bật về GD qua các lần xếp hạng của PISA”. Tiếp đó, ông cười và nói kiểu chơi chữ, “Về GD, hiện nay chúng tôi đang đứng trên đỉnh thế giới” (top of the world), vì nhìn vào bản đồ thế giới, Phần Lan thuộc vùng đỉnh cực bắc địa cầu.

Là thành viên của Tổ chức Kinh tế hợp tác và phát triển (OECD)⁴, từ khi có Chương trình đánh giá HS quốc tế - PISA, 03 năm một lần, HS Phần Lan luôn dẫn đầu với số điểm cao nhất thế giới vào các năm 2000, 2003, 2006. Cụ thể là:

- Môn Đọc hiểu: thứ nhất trong hai lần khảo sát (năm 2000, 2003) và thứ hai (năm 2006).

- Môn Toán: thứ tư (năm 2000) thứ hai (năm 2003) và thứ nhất (năm 2006).

- Môn Khoa học: thứ ba (năm 2000), đồng giải nhất (năm 2003) và thứ nhất (năm 2006).

- Kỹ năng giải quyết vấn đề: đồng giải nhì (năm 2003), (năm 2000 không tổ chức đánh giá).

- Năm 2006, Phần Lan đạt kết quả tốt nhất từng có trong mọi môn của tất cả khảo sát mà PISA tiến hành.

Trong GD ở Phần Lan, không có sự khác biệt nào đáng kể về kết quả giữa những vùng miền khác nhau.

Vì sao GD Phần Lan có được thành tích mà các nước có thu nhập bình quân lớn hơn như Mĩ, Thụy Sĩ, Áo, Đan Mạch, Ai-xơ len, Ý, Pháp, Bỉ, Nhật... phải kính nể? Vì sao Phần Lan trở thành nước đầu tư cho GD có hiệu quả nhất? Vì sao với

1. Programme for International Student Assessment.

2. <http://www.whitehouse.gov/issues/Education/>

3. Đoàn cán bộ nghiên cứu của Bộ GD&ĐT Việt Nam do Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển dẫn đầu.

4. Organisation for Economic Co-operation and Development



mức 65.000 USD cho đầu mỗi HS, so với Mĩ là 92.000 USD, Thụy Sĩ khoảng 95.000 USD, nhưng điểm bình quân của Phần Lan tại các kì thi PISA là 563 còn HS Mĩ chỉ đạt 489 và Thụy Sĩ chỉ là 512 điểm?

Trả lời câu hỏi này, GS.Aino Salilinen, Hiệu trưởng trường Đại học tổng hợp danh tiếng và lâu đời nhất Phần Lan - Jyväskylä, nói: "Tài nguyên đất nước chúng tôi rất nghèo, hầu như chỉ có rừng, nên chúng tôi phải đầu tư vào GD và khoa học". Chính sách đầu tư ấy được thể hiện cụ thể bằng hàng loạt yếu tố cơ bản sau đây:

1. Bình đẳng về cơ hội: GD Phần Lan tạo ra cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi HS, không phân biệt nơi ở, giới tính, tình trạng kinh tế hoặc ngôn ngữ - văn hóa. Mạng lưới nhà trường địa phương rộng lớn và các dịch vụ không có bất kì một sự phân biệt nào. GD cơ bản là hoàn chỉnh và miễn phí (bao gồm việc dạy học, tư liệu, ăn tại trường, chăm sóc sức khỏe, răng miệng, đi lại bằng phương tiện công cộng, sự cần thiết GD đặc biệt và dạy cách chữa bệnh).

Theo chính sách GD Phần Lan, người đi học không phải trả tiền trong thời kì là HS. Suốt thời kì GD bắt buộc 9 năm, bắt đầu từ 7 tuổi, HS tiểu học và THCS tại các nhà trường địa phương được các bữa ăn miễn phí. Ngoài ra, HS có quyền nhận sách và các tư liệu học tập miễn phí. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe cũng miễn phí; những HS sống cách xa nhà (hơn 5 km) hoặc đường đi nguy hiểm thì được miễn phí tiền phương tiện. Nếu một ngày, HS nào phải di chuyển vượt quá 3 giờ thì có thể đăng kí ăn ở kí túc xá miễn phí. Chỉ lên trường trung học, HS mới phải mua SGK và tài liệu học tập trong một chừng mực nào đó.

2. GD hỗn hợp: (Comprehensiveness of education): GD cơ bản 9 năm cho tất cả mọi HS từ 7 đến 16 tuổi. Nhà trường không lựa chọn HS nhưng HS có thể lựa chọn trường cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình. HS không phải thử thách trong các trường và các luồng khác nhau.

3. Giáo viên (GV) có năng lực giỏi: Ở tất cả các cấp học, GV đều có năng lực, nhiệt huyết và tận tâm. Bằng Thạc sĩ và chứng chỉ thực hành sư phạm là yêu cầu bắt buộc đối với tất cả các GV từ tiểu học đến THPT. Nghề dạy học rất được ưa chuộng ở Phần Lan, vì thế các trường đại học tổng hợp có thể lựa chọn được nhiều người tài năng và có động cơ rõ rệt. Một ví dụ về tuyển sinh, dân số Phần Lan chỉ gần 5,2 triệu người, năm 2009 có 4000 hồ sơ nộp xin vào khoa sư phạm của các đại học tổng hợp, nhưng chỉ 6,5 %

số đó được nhận vào để đào tạo trở thành GV. Tất cả mọi GV đều có khả năng làm việc độc lập và đầy hứng thú tự do trong lớp.

4. Tư vấn hướng dẫn HS và sự cần thiết của GD đặc biệt: Giúp đỡ đặc biệt về việc học tập và sức khỏe cho HS là mục tiêu đã ghi trong chương trình cốt lõi. Sự cần thiết của GD đặc biệt được hòa nhập với GD phổ thông càng xa rộng càng hợp lí. Sự hướng dẫn của các nhà tư vấn sẽ giúp cho HS cấp THPT trong việc học tập và lựa chọn bậc học cao hơn.

5. Khuyến khích, cổ vũ trong đánh giá và nhận xét: Đánh giá và nhận xét kết quả học tập của HS là khuyến khích và giúp đỡ một cách tự nhiên. Mục đích là cung cấp những thông tin cho cả nhà trường và HS cùng phát triển.

Trong suốt năm đầu bậc tiểu học, sự phân loại chủ yếu bằng việc đánh giá hơn là xếp hạng chính thức. Khi nào bắt đầu xếp hạng theo số là do quyết định của địa phương nhà trường. Phần lớn HS các trường hỗn hợp có thể báo kết quả học tập 2 lần một năm: cuối mùa thu và mùa xuân.

Trong 7 năm đầu ở trường hỗn hợp (9 năm), có thể chỉ là nhận xét miệng hoặc bằng số hoặc kết hợp cả hai cách. Đánh giá bằng số (thang từ 4-10) chỉ khi nhận xét trình độ HS trong mỗi liên hệ với mục tiêu của chương trình. Đánh giá bằng nhận xét miệng trở thành cơ sở quan trọng chứ không phải chỉ có các kì thi.

Kiểm tra quốc gia, danh sách xếp loại nhà trường và hệ thống thanh tra, kiểm định GD không tồn tại. Vì tất cả dựa trên niềm tin, sự tôn trọng của cơ quan quản lí, cộng đồng đối với GV và lòng tự trọng của mỗi người dạy.

6. Tầm quan trọng của GD trong xã hội: Xã hội Phần Lan với một nền GD tốt đẹp, thân thiện và toàn dân là một nền GD cao theo chuẩn quốc tế. GD được đánh giá đúng trong một bối cảnh chính trị rộng lớn và đồng thuận về chính sách GD.

7. Một hệ thống linh hoạt: Hệ thống GD mềm dẻo là cơ sở cho nguyên tắc "trung ương cầm lái - địa phương thực hiện". Cầm lái là hướng dẫn theo luật và các tiêu chí, chương trình cốt lõi, kế hoạch của chính phủ và hướng dẫn thông tin. Các cơ quan GD, tỉnh thành có nghĩa vụ đối với việc cung cấp và thi hành GD. Nhà trường và các GV được hưởng quyền tự chủ rất cao.

8. Cộng tác: Sự tương tác và chung sức là nguyên tắc cho các hoạt động ở tất cả các cấp học. Hợp tác để phát triển GD giữa các cấp lãnh đạo khác nhau, giữa nhà trường và những người làm công tác xã hội. Lãnh đạo nhà trường hợp tác với tập thể GV; giữa hiệp hội các nhà GD - sư

phạm với ban lãnh đạo nhà trường. Đó là sự giúp đỡ mạnh mẽ cho sự phát triển.

9. Hướng vào người học - một quan niệm tích cực của hoạt động dạy học: Sự tổ chức của các hoạt động GD là nền tảng cho khái niệm học, ở đó trọng tâm là hướng vào hoạt động của người học trong sự tương tác với GV, với các HS khác và với môi trường học.

Có thể nói, yếu tố quyết định cho chất lượng GD ở Phần Lan là tạo được một đội ngũ GV có năng lực giỏi. Chính sách khoa học và GD của Phần Lan nhấn mạnh tới chất lượng, hiệu quả, công bằng và quốc tế hóa (internationalisation). Điều đó đẩy mạnh tính cạnh tranh mạnh mẽ của đất nước này. GD và khoa học phát triển làm nền tảng cho kinh tế phát triển. Kinh tế phát triển tiếp tục làm cơ sở vững chắc cho văn hóa, xã hội Phần Lan ngày càng phồn thịnh. Ở Phần Lan, quyền lợi của GD và văn hóa được ghi trong Hiến pháp. Quyền lợi chung phải bảo đảm điều kiện công bằng cho tất cả mọi người dân được học xong GD bắt buộc và tự phát triển. Một số điều kiện GD khác cũng miễn phí ngay cả đối với GD sau khi tốt nghiệp các trường đại học. Quốc hội đã thông qua luật GD, xác định rõ phương hướng cơ bản của chính sách GD và khoa học.

Sự thịnh vượng của xã hội Phần Lan được xây nên từ GD, văn hóa và tri thức. Tất cả mọi trẻ em đều được bảo đảm các cơ hội học tập và tự phát triển phù hợp với năng lực của cá nhân, bất chấp về nơi cư trú, ngôn ngữ hoặc tình trạng tài chính. Mọi HS đều được GD tốt với chất lượng cao và được học cách giữ gìn môi trường, sống khỏe mạnh. Sự mềm dẻo của hệ thống GD và cơ sở an toàn GD đã tạo nên sự công bằng và kết quả vững chắc cho GD Phần Lan.

II. Suy nghĩ về định hướng phát triển của GDPT Việt Nam

Câu hỏi đặt ra cần trả lời là giai đoạn tới GDPT Việt Nam sẽ thay đổi theo hướng nào? Để đạt được mục tiêu GD theo định hướng ấy cần "đột phá" vào khâu then chốt nào? Có thể học hỏi được gì từ GD Phần Lan và các nền GD tiên tiến khác?...

1. Nguyên tắc thay đổi

Lâu nay, dư luận xã hội vẫn lẫn lộn, không phân biệt rõ hai mức độ: cải cách GD và đổi mới GD.

Mức thứ nhất là Cải cách GD (Revolution): thay đổi một cách toàn diện tất cả các yếu tố cấu thành nền GD của một đất nước, bao gồm:

- Mục tiêu và triết lí GD;

- Cấu trúc nhà trường (công và tư, cấp/ bậc học; GD bắt buộc, thời gian và bằng cấp);
- Các lĩnh vực học tập, hệ thống môn học và thời lượng dạy học (bắt buộc và tự chọn);
- Chương trình và chuẩn chương trình quốc gia;
- Phương pháp và phương tiện dạy học;
- Tài liệu GD (sách giáo khoa (SGK), sách tham khảo, thiết bị dạy học...);
- Kiểm tra, đánh giá;
- Tổ chức và quản lí dạy học.

Mức thứ hai là Đổi mới GD (Renovation): Căn cứ vào mỗi giai đoạn lịch sử, có thể điều chỉnh, thay đổi một số yếu tố cấu thành nền GD trên cho phù hợp và tạo nên hiệu quả GD cao. Và như vậy, không nhất thiết là phải thay đổi tất cả toàn bộ hệ thống. Ví dụ: Đổi mới chương trình và SGK phổ thông của năm 2002 (Nghị quyết 40/ QH khoá X). Ngay cả đối với việc xây dựng lại chương trình GDPT cũng không nhất thiết là phải thay đổi toàn bộ các môn học, các hoạt động GD mà chỉ điều chỉnh một số môn học hoặc hoạt động GD nào đó nếu thấy thực sự cần thiết phải thay đổi.

Cả hai hình thức nêu trên đều phải đặt ra vấn đề kế thừa và đổi mới. Khi xây dựng, thiết kế Chiến lược phát triển và Chương trình GD, bất kể quốc gia nào cũng vậy, không thể không tính đến các yếu tố ổn định cần nối tiếp và phát huy trong GD truyền thống. Chính vì thế, nhiều nước dùng khái niệm Phát triển chương trình (Development Curriculum) theo nghĩa: Chương trình GD không nhất thành bất biến mà có thay đổi liên tục để thích ứng với thực tiễn cuộc sống; xây dựng CTGD cũng không phải bắt đầu từ con số không mà bao giờ cũng có sự kế thừa và tiếp nối những tinh hoa của nền GD, chương trình GD trước đó.

Dù thay đổi theo mức độ nào cũng cần tuân thủ một số nguyên tắc. Chúng tôi tán thành ba nguyên tắc sau đây⁶:

- Không gây xáo trộn quá lớn thực trạng nền GD đang tồn tại.
- Đáp ứng được những đòi hỏi của thời cuộc, tương thích về cơ bản với các nền GD tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.
- Phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng, đặc điểm kinh tế - xã hội Việt Nam.

Từ nhận thức trên, chúng tôi xin nêu lên một số suy nghĩ, kiến nghị về định hướng phát triển GDPT trong giai đoạn tới như sau:

2. Về hệ thống và cấu trúc GDPT

- Thời gian học phổ thông của HS là 12 năm, có thể tính đến GD tiền học đường 1 năm

(5-6 tuổi) nữa là 13 năm.

- Phân cấp: Có thể cấu trúc theo ba cách sau:

Cách 1: Vẫn giữ nguyên hệ thống GDPT hiện hành gồm: Tiểu học 5 năm; THCS 4 năm và THPT 3 năm (cấu trúc 5/4/3)

Cách 2: Cấu trúc 9/3 như Phần Lan, 9 năm GD cơ bản - bắt buộc và 3 năm THPT, ở bậc học này chia làm 2: THPT cơ bản (academic) và THPT nghề.

Cách 3: Cấu trúc 6/3/3 như một số nước nêu trong bảng 1 dưới đây⁶:

Trong bảng 1, cột dọc đầu là tên các nước, cột thứ hai là tuổi tiền học đường, cột thứ ba là

- GD cơ bản, bắt buộc (compulsory education): 9 năm (nếu tính cả giai đoạn tiền học đường là 10 năm), gồm tiểu học và THCS phải miễn phí (ít nhất là học phí và SGK). Nhìn chung số năm của giai đoạn bắt buộc của các nước có khác nhau, nhưng đều giống nhau ở chính sách miễn phí hoàn toàn cho GD bắt buộc mà Phần Lan là nước tiêu biểu nhất.

Trong số 21 nước mà INCA khảo sát thì giai đoạn GD bắt buộc ít nhất là 9 năm (6 nước); từ 9-10 năm (2 nước); 10 năm (6 nước); 11 năm (3 nước); 12 năm (2 nước); nhiều nhất là 13 năm (1 nước - Netherlands). Cụ thể xem bảng 2 so sánh về GD bắt buộc của các nước do INCA⁷ tổng kết

Bảng 1: Các giai đoạn GD (không tính thời gian chuyển đổi từ trường này sang trường khác)
Educational phases (not necessarily involving transfer from one school to another)

	Pre-school	Primary/basic	Lower secondary	Upper secondary
England	0-5	5-11	11-16	16-18
Ireland	3-4/5/6	4/5/6-12	12-15	15-16/17/18
Northern Ireland	2-4	4-11	11-16	16-18
Scotland	3-5	5-12	12-16	16-18+
Wales	3-5	5-11	11-16	16-18
France	2-6	6-11	11-15	15-16
Germany	3-6	6-10/12	10/12-15/16	15/16-18/19
Hungary	3-6 (compulsory at age 5)	6-10/12/14	6-10/12/14	10/12/14-18/19
Italy	3-6	6-11	11-14	14-18/19
Netherlands	0-5	5-12	12-15	15-18
Spain	0-6	6-12	12-16	16-18
Sweden	0-6/7	6/7-15/16	6/7-15/16	15-18/16-19
Switzerland	4/5-6/7	6/7-10,11,12+	10,11,12+-15/16	15/16-18/19
Australia	3-5/6	5/6-12/13	12/13-15/16	15/16-18+
Canada	4/5-6/7	6/7-11/12/13	11/12/13-15/16	15/16-17/18+
Japan	3-6	6-12	12-15	15-18
Korea	3-6	6-12	12-15	15-18
New Zealand	3-5/6	5/6-12/13	12/13-16	16-18+
Singapore	3-6/7	6/7-12	12-16/17	16/17-18/19+
South Africa	0 to 4/5	5/6-12	12-15	15-16
USA	3-5/6	5/6-13/14	5/6-13/14	13/14-17/18

tuổi vào và kết thúc tiểu học, cột thứ tư là tuổi vào và kết thúc THCS và cột cuối là tuổi vào và kết thúc THPT. Có thể thấy các nước Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore đều có chung một mô hình phân cấp như nhau: giai đoạn tiền học đường 4 năm, giai đoạn tiểu học 6 năm, THCS là 3 năm và THPT cũng 3 năm. Nhìn rộng ra, có thể thấy ở nhiều nước HS đều kết thúc thời kì học phổ thông vào tuổi 18 (xem cột dọc cuối của bảng 1)

sau đây:

- Loại hình trường: chỉ hai loại công lập và tư thục. Tất nhiên, đây chỉ là một cách phân loại. Tham khảo bảng 3, phân loại các kiểu nhà trường.

3. Về nhiệm vụ

Nhà trường phổ thông phải góp phần vào việc thực hiện ba nhiệm vụ chính, đó là: Nâng cao dân trí; Đào tạo nhân lực; Bồi dưỡng nhân tài. Trong đó, nhiệm vụ đào tạo nhân lực được hiểu là cung cấp trực tiếp nhân lực lao động có

6. Schooling: duration, phases | INCA Comparative Tables | September 2009 | <http://www.inca.org.uk>

7. Compulsory education | INCA Comparative Tables | September 2009 | <http://www.inca.org.uk>

Bảng 2: Giáo dục bắt buộc (Compulsory education)

	Starting age	Minimum school leaving age	Duration in years
England	5	16	11
Ireland	6/4	16	10
Northern Ireland	4/5	16	12
Scotland	5	16	11
Wales	6	16	11
France	6	16	10
Germany	6	15/16+	9/10 Full time + 3 Part time
Hungary	6	18	12
Italy	6	15	9
Netherlands	4/5	18	13
Spain	6	16	10
Sweden	7	16	9
Switzerland	6/7	15/16	9
Australia	6	15/16/17	9-10
Canada	6	15/16	9-10
Japan	6	15	9
Korea	6	15	9
New Zealand	6	16	10
Singapore	6/7	16/17	10
South Africa	7	15	9
USA	6	16	10

Bảng 3: Kiểu nhà trường (Types of schools ⁸)

Schools	
<i>Theo các giai đoạn GD</i> (By educational stage)	GD cấp 1 - Tiểu học (Primary education); GD cấp 2 - THCS (Secondary education); GD cấp 3 - THPT (Tertiary education)
<i>Theo nguồn kinh phí</i> (By funding)	GD tự nguyện (Free education); trường tự nguyện (Free school); trường tư thục (Private school); trường công (Public school); trường độc lập (Independent school); trường độc lập kiểu Anh (Independent school -UK), trường đặc quyền (Charter school)
<i>Theo kiểu GD</i> (By style of education)	Trường ban ngày (Day school); trường nhiều khả năng (Alternative school); trường công giáo (Parochial school); trường nội trú (Boarding school); trường năng khiếu (Magnet school); trường học ảo (Cyberschool or virtual school); trường từ mẫu giáo đến lớp 12 (K-12)
<i>Theo phạm vi GD</i> (By scope)	GD bắt buộc (Compulsory education); Trường hỗn hợp (Comprehensive school); trường nghề (Vocational school); trường dự bị đại học (University-preparatory school)

chất lượng văn hoá, tay nghề chứ không chỉ là chuẩn bị nhân lực. Có nghĩa là, tốt nghiệp trung học nghề, HS có thể lao động trực tiếp như là nguồn nhân lực đã qua đào tạo. Mục tiêu GD và đào tạo nghề ở trường trung học của Phần Lan ghi rõ: "Nhằm cải thiện và cung cấp những kỹ năng cần thiết cho lực lượng lao động, giúp họ

học tập suốt đời".⁹ Chính vì thế, cần chú ý phát triển trường trung học nghề song song với hệ THPT với một tỉ lệ thích hợp. Ở Phần Lan, HS sau GD cơ bản có 54,5 % vào THPT và 38,5 % vào trung học nghề. Số HS học nghề chọn các lĩnh vực như: công nghệ và giao thông (36%), thương mại và quản trị (19%), sức khỏe và dịch

8. <http://www.wikipedia.org>

9. Vocational education and training in Finland – www.oph.fi

vụ xã hội (17%), du lịch, giải trí và kinh tế gia đình (13%), văn hóa (7%), tài nguyên thiên nhiên (6%), thời gian rỗi và thể dục (2%)...

4. Về định hướng xây dựng các môn học

Tích hợp mạnh mẽ ở tiểu học và giai đoạn đầu THCS, phân hóa mạnh ở THPT bằng tự chọn theo hướng: học chung một mặt bằng tri thức cơ bản kết hợp tự chọn ở các môn cơ bản theo các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và khoa học ứng dụng. Cần giảm các môn học bắt buộc, tăng tự chọn: Các nước phát triển, số lượng môn học bắt buộc rất ít (thường chỉ khoảng 6-8 môn)¹⁰. Xác định chuẩn kiến thức và kĩ năng cần đạt sau đó lựa chọn các môn học chính (core subjects). Các môn học này nhằm tạo nền tảng cơ bản về tri thức và kĩ năng kinh điển. Các môn học tự chọn (elective subjects) sẽ hướng tới phát triển tri thức và kĩ năng hiện đại, rèn luyện năng lực sáng tạo, linh hoạt trên nền tảng cơ bản (kinh điển). Cần xác định lại sự phân bố các môn học ở mỗi cấp (trình độ) để có được sự phân bố một cách hợp lí theo các mức độ khác nhau:

- Môn học xuyên suốt cả ba cấp
- Môn học chỉ có ở một cấp hoặc hai cấp.

Ngay trong mỗi cấp, số môn học không nhất thiết phải xuất hiện đều ở tất cả các lớp. Chẳng hạn, môn Sử ở lớp 11 nhưng Địa lí lớp 12 hoặc ngược lại. Nghĩa là, cũng cần xác định:

- Môn học xuyên suốt toàn cấp
- Môn học chỉ có ở 1 hoặc 2 lớp cụ thể.

Cần tăng cường nghiên cứu tích hợp các lĩnh vực tri thức gần nhau thành môn học tích hợp để vừa tác động, củng cố cho nhau vừa hạn chế số lượng và tránh trùng lặp, vênh lệch trong thông tin, sự kiện...

5. Chương trình và tài liệu học tập

Trước sự tăng nhanh của kho tàng tri thức nhân loại, chương trình các môn học cần tinh giản, tích hợp, ứng dụng cao và ưu tiên tuyến tính; tránh sự trùng lặp không cần thiết; hoặc chỉ trùng lặp ở cấp độ chủ đề lớn, còn nội dung cụ thể phải nâng cao, tạo sự khác biệt, phát triển rõ so với lớp dưới.

Xu hướng chung của các nước phát triển là chỉ coi trọng xây dựng Chương trình khung và Chuẩn kết quả học tập của HS; thực hiện phân cấp quản lí xây dựng chương trình. Để bảo đảm

tính linh hoạt, mềm dẻo, sát hợp đối với thực tiễn GD của đất nước, chương trình thường được tổ chức biên soạn theo 3 cấp:

- Nhà nước trung ương chỉ xây dựng và quản lí chương trình khung (National framework curriculum).

- Các địa phương (tỉnh, thành phố): Tiếp tục cụ thể hoá chương trình khung cho vừa phù hợp với địa phương vừa theo đúng định hướng của chương trình trung ương. Chương trình ở cấp này chi tiết hơn (thường gọi là Syllabuses).

- Các đơn vị GD cụ thể như huyện, thị và nhà trường lại tiếp tục cụ thể syllabuses của cấp trung gian cho vừa phù hợp với đơn vị mình vừa đúng định hướng của hai cấp nêu trên. Chương trình này thực sự là chương trình hành động cụ thể, chi tiết; thường gọi là chương trình nhà trường (School curriculum), theo hướng địa phương hóa như Phần Lan, Hàn Quốc...

SGK và tài liệu học tập cần theo định hướng mở. Tính mở thể hiện ở mấy đặc điểm sau đây:

- Một chương trình nhưng nhiều bộ SGK.
- Yêu cầu, khuyến khích người dạy và người học khai thác thông tin từ nhiều nguồn tư liệu khác: sách, báo, phim ảnh, đĩa CD, đặc biệt là cách khai thác Internet và các phương tiện Media (ICT).

- Tiến tới có những môn học hoặc chuyên đề không có SGK. Để dạy và học, GV cũng như HS phải tự xác định và tìm tư liệu, thông tin bằng mọi hình thức, sau đó trao đổi, tranh luận và rút ra những kiến thức, kĩ năng cần có.

6. Tổ chức dạy học

Nhìn chung, nên tổ chức dạy học theo chứng chỉ (credit), nhất là ở THPT. Quy định số chứng chỉ cho mỗi môn học và cả cấp học; số chứng chỉ cho các môn học bắt buộc và chứng chỉ cho các môn tự chọn. Người học có thể thanh toán các chứng chỉ này một cách chủ động, không cần theo thứ tự lớp học... Như thế cần tổ chức học tập theo hình thức tự chọn như các nước phát triển đã và đang thực hiện.

Đa dạng hoá các hình thức dạy học, học trên lớp, học trực tuyến (e-learning), học từ xa (distance learning)... Tăng cường thực hành và vận dụng hiểu biết vào các tình huống thực tiễn; tổ chức để HS đi thực tế nhiều hơn, tham gia vào các hoạt động xã hội, hiểu biết và gắn bó với đời

10. An International Comparative Study of School Curriculum- NIER 1999 và INCA: <http://www.inca.org.uk>

sống hơn nữa...

7. Phương pháp và phương tiện dạy học

Các phương pháp dạy học cụ thể thì rất nhiều, nhưng dù vận dụng phương pháp nào thì cũng cần chú ý theo định hướng: dạy cách nghĩ, cách học, cách thu thập và xử lí thông tin, cách vận dụng sáng tạo...

Trong bối cảnh kho tàng tri thức của nhân loại tăng theo cấp số nhân, người ta không thể chạy theo cung cấp những nội dung cụ thể mà quan trọng là dạy cách tiếp nhận các nội dung ấy. Tức là cần dạy cách học và cao hơn tiến đến dạy cách học phương pháp học, đúng như Friedman đã nêu: "Kĩ năng đầu tiên và quan trọng nhất mà bạn cần có trong một thế giới phẳng là khả năng "học phương pháp học".¹¹

Với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) như hiện nay thì việc vận dụng các phương tiện hiện đại vào dạy học các bộ môn là yêu cầu tất yếu. ICT không chỉ giúp người dạy và người học nâng cao trình độ do được tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin đa dạng và phong phú mà nó còn giúp họ có được phương pháp làm việc, học tập khoa học, chính xác và có hiệu quả cao. Phát triển ICT chính là nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ và làm thay đổi rất nhiều về tác phong làm việc, phương pháp dạy học.

8. Đánh giá và thi cử

- Tổ chức đánh giá quốc gia về kết quả học tập của HS theo chu kì (2-3 năm/lần) vào các lớp cuối tiểu học (lớp 5 hoặc 6), THCS (lớp 9) và THPT (lớp 11), hoặc tập trung vào GD cơ bản (lớp 5, lớp 7 và lớp 9).

- Bỏ thi tốt nghiệp THPT, chỉ thi đại học với ba môn bắt buộc: Toán, Tiếng Việt, Ngoại ngữ (tiếng Anh) và thêm 1-2 môn tùy chọn phù hợp với chuyên ngành đào tạo của đại học lí thuyết hoặc ứng dụng nghề.

Để chuyển đổi từ nền GD truyền thống, tập quyền, sang nền GD phi tập trung hóa (Decentralization) và có được thành tựu rực rỡ như ngày nay, GD Phần Lan đã mất 20 năm (từ 1984 - 2004). Yếu tố then chốt để giúp GD Phần Lan cất cánh là đào tạo và bồi dưỡng GV. Hiếm có một quốc gia nào có được một đội ngũ GV chất lượng cao, đồng đều, giàu lòng tự trọng và

đầy ý thức trách nhiệm như ở Phần Lan...

Chúng tôi cho rằng, GDPT Việt Nam cần phải tiến hành thay đổi đồng bộ, nhưng trước hết hãy tập trung vào việc đào tạo và bồi dưỡng, chỉnh đốn lại đội ngũ GV: từ tri thức, năng lực đến phẩm chất và tư cách người thầy. Như thế cũng có nghĩa là cần có một tầm nhìn chiến lược và một chính sách tối ưu về đội ngũ GV.

Những suy nghĩ về định hướng phát triển GDPT Việt Nam nêu trên vừa xuất phát từ những ưu điểm của một số nền GD tiên tiến, trong đó có Phần Lan, vừa bám sát thực tế GD Việt Nam. Vấn đề đặt ra trong bài này là hết sức to lớn và quan trọng, khó giải quyết trọn vẹn bởi một cá nhân; cũng chưa thể phân tích và trình bày đầy đủ, chi tiết trong khuôn khổ một bài báo. Hi vọng sẽ được trao đổi thêm ở những bài khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://www.oph.fi>
2. <http://www.minedu.fi>
3. <http://www.edu.hel.fi>
4. <http://www.helsinki.fi/university>
5. The Finnish education system and PISA - 2009- Ministry of education Publication, Finland
6. <http://www.jyu.fi>
7. <http://www.whitehouse.gov/issues/education/>
8. Understanding Korea Education- Copyright 2007 Published by the Korean educational Development Institute.
9. An International Comparative Study of School Curriculum-NIER 1999. <http://www.hurights.or.jp>
10. <http://inca.org.uk>
11. KICE- 2006. National Curriculum. <http://www.kice.re.kr>
12. PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống (chủ nhiệm đề tài), *Xây dựng mục tiêu GDPT Việt Nam cho nhà trường Việt Nam giai đoạn 2015-2020*, Đề tài cấp Bộ, mã số B2005- 80-25.

SUMMARY

The article presents: 1/ research results about Finland's education based on the public available information and the study visit of a MT team to the Finnish Ministry of Education; Helsinki Education Department, Jyväskylä University; Helsinki University; some Finnish school mid January 2010; 2/ the author's thinking about the development of Vietnamese school education in the coming years.

11. Thế giới phẳng - Friedman, 2005